

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**1. Sản phẩm:** Nguyên liệu thực phẩm **Epimedium Extract****2. Tên địa chỉ, cơ sở sản xuất:** Shaanxi Meihe Biochemics Co.,Ltd

Địa chỉ: Room 10612, Lemon Mansion, No.1 South Laodong Road, Xi'an, Shaanxi 710077 China.

3. Trạng thái sản phẩm:

- Trạng thái sản phẩm: Bột mịn

- Màu sắc: Màu nâu

4. Thành phần cấu tạo: *Epimedium Brevicornum***5. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1.	Hàm lượng Icarin	%	≥ 10
2.	Mất khối lượng làm khô	%	≤ 5
3.	Tro sulfat	%	≤ 5

6. Chỉ tiêu an toàn:

6.1. Giới hạn vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số VSV HK	CFU/g	≤ 1000
2.	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3.	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
4.	<i>E.coli</i>	CFU/g	Không có
5.	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có
6.	Tổng số bào tử Nấm Men-Nấm Mốc	CFU/g	≤ 100

6.2. Giới hạn về kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Chì	ppm	3
2.	Cadimi	ppm	1
3.	Thủy ngân	ppm	0,1

7. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

- Khối lượng: 25 kg/thùng
- Nguyên liệu được đóng trong 2 lần túi PE, đựng trong thùng carton.

8. Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất, hạn sử dụng và ngày sản xuất ghi trên vỏ bao bì.

9. Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN





Số: 30680/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nguyên liệu thực phẩm Epimedium Extract
Nhà sản xuất: Shaanxi Meihe Biochemics Co.,Ltd
Số lô: MH-ic10-190619
2. Mã số mẫu: 11197243/DV
3. Mô tả mẫu: Mẫu dạng bột đựng trong túi nilon ghép mí 50 g, thông tin mẫu đánh máy dán trên túi - Số lượng: 1
NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 14/11/2019
7. Thời gian thử nghiệm: 14/11/2019 - 22/11/2019
8. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
Địa chỉ: 356 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Icaritin	%	NIFC.05.M.153 (HPLC)	10,3

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT
Nguyễn Văn Nhiên



ISO/IEC 17025:2005

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC - THỰC PHẨM
VÀ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG

ĐC: Cụm CN Trường An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội - ĐT: 02435.135.644



VILAS 877

Số/no: HNL/1308/11/19/NC1Trang/page: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. **Tên mẫu/ Sample** : Nguyên liệu thực phẩm Epimedium Extract
Số lô nsx : MH-ic 10-190619
2. **Khách hàng/ Customer** : Công ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex
3. **Nhà sản xuất/ Producer** : Shaanxi Meihe Biochemics Co.,Ltd
4. **Địa chỉ/ Address** :
5. **Lượng mẫu/ Amount** : 01 mẫu
6. **Tình trạng mẫu/ Sample condition** : Sản phẩm dạng bột, đựng trong lọ kín, nhãn in rõ ràng, không có mẫu lưu
7. **Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date** : 08/11/2019
8. **Kết quả/ Results** :

STT /No.	Chỉ tiêu/ Paramete	Đơn vị tính/ Unit	Phương pháp thử/ Testing method	Kết quả/ Results
I. Các chỉ tiêu hóa lý				
1.	Tro sulfate	%	ĐBVN IV	1,18
2.	Mất khối lượng khi làm khô	%	MFP10421 (Khối lượng)	2,15
I. Các chỉ tiêu vi sinh				
1.	Cl.Perfringens	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (<10)
2.	E.coli ^(*)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (<10)
3.	Coliform ^(*)	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (<10)
4.	Tổng số BTNMNM ^(*)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	2,0x10 ¹
5.	Tổng số VSVHK ^(*)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	9,5x10 ¹
6.	Salmonella	Trong 25g	TCVN 4829:2005	KPH
II. Các chỉ tiêu kim loại nặng				
1.	Chì (Pb)	ppm	MAFTC001KL/17 (GFAAS)	0,09
2.	Cadimi (Cd)	ppm	MAFTC002KL/17 (GFAAS)	KPH (<0,01)
3.	Thủy ngân (Hg)	ppm	MAFTC011KL/17 (AAS)	KPH (<0,01)

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2019

TUO GIAM ĐOC

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM HÓA SINH
Hoàng Thị Hiền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của MA.FTC Lab;
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của bên gửi mẫu;
4. Đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS, dấu (**) là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Ngày ban hành: 20/06/2017

BM.TN.01.04 - Lần 3